

Số: 154 /KH-UBND

Hưng Yên, ngày 04 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Chăn nuôi Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030; số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030; số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án ưu tiên đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030; số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải đến năm 2030;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 ngày 03/10/2025 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 357/TTr-NNMT ngày 24/4/2026 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 (sau đây viết tắt là Kế hoạch), với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm chăn nuôi, đảm bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong từng khâu của sản xuất chăn nuôi; phát triển chăn nuôi theo hướng hiện đại, sạch, hữu cơ, tuần hoàn thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với kiểm soát giết mổ và chế biến sản phẩm, kết nối bền vững các chuỗi giá trị trong, ngoài tỉnh, tạo sức bật và đem lại sự đột phá mới trong lĩnh vực chăn nuôi nói riêng và ngành nông nghiệp của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi (theo giá cố định 2010) giai đoạn 2026-2030 ước tăng bình quân từ 3,2 %/năm.
- Đàn lợn phát triển ổn định, ước tổng đàn lợn hàng năm (kể cả lợn con theo

mẹ) đạt khoảng 1,3 triệu con/năm; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 343 nghìn tấn; đàn gia cầm ước đạt 25,5 triệu con, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 167 nghìn tấn; tổng đàn trâu, bò ước đạt 106 nghìn con, sản lượng thịt trâu, bò hơi xuất chuồng ước đạt 22,5 nghìn tấn (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Phát triển sản xuất chăn nuôi theo nhóm sản phẩm chủ lực (*lợn, gia cầm, bò thịt*) theo hướng trang trại tập trung, xa khu dân cư, áp dụng công nghệ tiên tiến, bảo đảm an toàn thực phẩm, giảm ô nhiễm môi trường. Phát triển sản xuất chăn nuôi nông hộ theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn VietGAHP, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi tuần hoàn. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong các khâu sản xuất chăn nuôi, bảo tồn và phát triển giống vật nuôi bản địa gắn với thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; ứng dụng nhanh công nghệ số vào hoạt động chăn nuôi.

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có khoảng 3.000 trang trại chăn nuôi đạt tiêu chí trang trại theo quy định của Luật Chăn nuôi.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHĂN NUÔI

1. Phát triển sản xuất chăn nuôi theo nhóm sản phẩm

Thực hiện cơ cấu lại chăn nuôi theo nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh: Lợn thịt, Gia cầm thịt và trứng gia cầm; Thịt trâu bò; Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương (*gà Đông Tảo, gà Tò*) và Nhóm vật nuôi khác, cụ thể:

(1) Lợn thịt: Tham gia sản phẩm chủ lực quốc gia gồm thịt lợn hơi xuất chuồng, thịt lợn mảnh, thịt lợn qua sơ chế, đóng gói, bảo quản. Tổng đàn lợn khoảng 1,3 triệu con, sản lượng thịt lợn hơi đến năm 2030 đạt trên 343 nghìn tấn. Tập trung đầu tư phát triển chăn nuôi lợn thịt theo hướng nuôi nhóm lợn thương phẩm được sản xuất từ các tổ hợp lai giữa các giống lợn ngoại nhập có năng suất, chất lượng cao (*chiếm khoảng 90% tổng đàn*); phát triển chăn nuôi nông hộ chuyên nghiệp, phát triển chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa, áp dụng chăn nuôi công nghiệp, khép kín, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

(2) Gia cầm thịt và trứng gia cầm: Tham gia sản phẩm chủ lực quốc gia gồm thịt gà, thịt vịt hơi xuất chuồng; thịt gà, thịt vịt qua sơ chế, đóng gói và bảo quản, trứng gia cầm. Tổng đàn gia cầm đạt khoảng 25,5 triệu con, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng năm 2030 ước đạt 167 nghìn tấn, sản lượng trứng đạt khoảng 1.000 triệu quả/năm. Tập trung đầu tư phát triển chăn nuôi gia cầm thương phẩm (*gà màu, vịt, ngan siêu thịt*), gà, vịt đẻ năng suất, chất lượng cao; phát triển chăn nuôi gia cầm theo phương thức trang trại, công nghiệp, chăn nuôi nông hộ đảm bảo an toàn sinh học, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; thu hút đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến sâu để thịt sản xuất ra đáp ứng nhu cầu thị trường, nhất là phân khúc đòi hỏi chất lượng cao như siêu thị, hệ thống phân phối thịt chất lượng cao.

(3) Thịt trâu bò: Phấn đấu chăn nuôi trâu, bò đến năm 2030 ước đạt 106 nghìn con, trong đó đàn bò 93 nghìn con; sản lượng thịt trâu, bò xuất chuồng đạt khoảng 22,5 nghìn tấn/năm. Thực hiện chọn lọc và cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng tăng tỷ lệ bò thương phẩm là các tổ hợp lai hướng thịt của bò lai Brahman với các giống bò chuyên thịt tạo ra con lai Zebu có khả năng tăng trọng nhanh, tỷ lệ thịt xẻ cao. Tổ chức sản xuất theo vùng trọng điểm chăn nuôi tại các

địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp (vùng duyên giang) để hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo hình thức liên kết chuỗi có khả năng gắn kết giữa sản xuất với các cơ sở chế biến trong và ngoài tỉnh; đảm bảo có vùng nguyên liệu ổn định lâu dài; kết nối với thị trường tiêu thụ.

(4) Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương (*gà Đông Tảo, gà Tò*): Những địa phương có vật nuôi đặc sản địa phương cần quy vùng để bảo tồn nguồn gen, tập trung nuôi dưỡng, khai thác đặc điểm sinh học quý của giống, làm nguyên liệu lai tạo với giống gà cao sản, để tạo ra giống nuôi thương phẩm, là sản phẩm đặc thù của địa phương. Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

(5) Nhóm vật nuôi khác: Chú trọng tăng số lượng một số vật nuôi khác có tiềm năng (*thỏ, dê, ong, tằm, hươu...*) tại các địa phương có thế mạnh.

2. Phát triển chăn nuôi theo hướng cơ cấu lại sản xuất

Thực hiện cơ cấu lại chăn nuôi thông qua chuyển đổi cơ cấu chăn nuôi hợp lý; phát triển, tăng cơ cấu tỷ lệ sản xuất chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại hóa; đồng thời, đẩy mạnh chăn nuôi hướng hữu cơ, ứng dụng khoa học công nghệ, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi công nghiệp, công nghệ cao, chuyên môn hóa ngay từ nông hộ và hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị.

- Chuyển đổi cơ cấu chăn nuôi hợp lý: Đến năm 2030, sản lượng thịt hơi chăn nuôi lợn chiếm tỷ lệ 64%; sản lượng thịt gia cầm chiếm tỷ lệ 31%; sản lượng thịt trâu, bò chiếm tỷ lệ khoảng 4% tổng sản lượng thịt hơi các loại.

- Chuyển đổi tăng tỷ lệ giống vật nuôi cao sản, nuôi thương phẩm; phát triển đàn vật nuôi sinh sản ở mức hợp lý với chất lượng đàn sinh sản cao; chuyển dịch tăng trưởng từ thông qua tăng số lượng sang ưu tiên tăng trưởng qua tăng năng suất, chất lượng, rút ngắn thời gian nuôi, tăng hệ số vòng quay vật nuôi, cụ thể:

+ Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi: Đàn trâu, bò thương phẩm chiếm tỷ lệ khoảng 70%, đàn sinh sản chiếm tỷ lệ khoảng 30% tổng đàn trâu bò; đàn lợn sinh sản chiếm tỷ lệ từ 8-10%, đàn lợn thịt chiếm trên 90% tổng đàn lợn; đàn gia cầm sinh sản chiếm tỷ lệ khoảng 10% và đàn gia cầm hướng thịt khoảng 90% tổng đàn gia cầm.

+ Chuyển dịch cơ cấu giống vật nuôi: Tỷ lệ lợn ngoại, lợn lai (*có tỷ lệ nạc cao*) đạt 90-92% tổng đàn; đàn gà lông màu chiếm tỷ lệ 90% tổng đàn gà (*trong đó, tập trung tăng quy mô chăn nuôi các giống gà lông màu hướng thịt có chất lượng cao; tổ hợp lai gà nội có chất lượng cao với gà nhập ngoại, chăn nuôi theo hướng công nghiệp*); đàn vịt, ngan chuyên thịt chiếm tỷ lệ trên 85% (*vịt, ngan hướng thịt cao sản có tỷ lệ cơ ức cao, tăng khối lượng cơ thể nhanh, giống vịt kiêm dụng; giống ngan nhập ngoại và ngan lai năng suất cao trên 60% tổng đàn vịt, ngan; tăng quy mô, số lượng hộ chăn nuôi vịt, ngan hướng thịt giống cao sản theo phương thức nuôi công nghiệp*); tỷ lệ đàn bò lai các giống cao sản, hướng thịt đạt trên 90% tổng đàn bò thịt.

- Tăng quy mô đàn vật nuôi tại các trang trại, công nghiệp thông qua mở rộng, tăng quy mô chăn nuôi để nâng tỷ lệ trang trại quy mô vừa và quy mô lớn, giảm mạnh chăn nuôi nông hộ, đặc biệt là chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Đến

năm 2030 có khoảng 3.000 trang trại chăn nuôi, trong đó tỷ lệ trang trại quy mô vừa và quy mô lớn chiếm trên 50% tổng số trang trại toàn tỉnh.

3. Phát triển sản xuất chăn nuôi theo vùng

- Khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tăng cường năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển sản xuất chăn nuôi bền vững giữa các địa phương trong tỉnh:

+ Vùng chăn nuôi lợn, gia cầm trọng điểm: Phát triển vùng chăn nuôi lợn và gia cầm tại các xã Tiên Lữ, Tiên Hoa, Hoàng Hoa Thám, Quang Hưng, Tống Trân, Đoàn Đào, Lương Bằng, Nghĩa Dân, Hiệp Cường, Đức Hợp, Hồng Quang, Khoái Châu, Việt Tiến, Hoàn Long, Đại Đồng, Ái Quốc, Quỳnh Phụ, Phụ Dực, Tân Tiến, Tân Thuận, Vũ Tiên, Diên Hà, Ngọc Lâm, Bắc Tiên Hưng,... Phát triển các trang trại ATSH quy mô lớn, liên kết doanh nghiệp chế biến.

+ Vùng chăn nuôi bò thịt, bò sữa: Phát triển vùng chăn nuôi đại gia súc tại các xã Đức Hợp, Hiệp Cường, Khoái Châu, Hoàng Hoa Thám, Tiên Lữ, Đoàn Đào, Tống Trân, Nguyễn Trãi, Hồng Quang, Hồng Minh, Long Hưng, Vạn Xuân,... mở rộng quy mô đàn bò sữa, bò thịt chất lượng cao, gắn với nhà máy chế biến sữa và các sản phẩm từ thịt.

+ Vùng chăn nuôi thủy cầm: Phát triển vịt biển, ngan, ngỗng tại các xã Nghĩa Dân, Thái Thụy, Nam Cường, Hưng Phú, Đông Thụy Anh, Bắc Thụy Anh, Đông Tiền Hải.

- Các xã, phường trên địa bàn tỉnh thực hiện rà soát, quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển chăn nuôi theo vùng/khu/điểm sản xuất chăn nuôi nhằm tạo ra vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu thu mua của các doanh nghiệp và thị trường. Đồng thời, bố trí quỹ đất để thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi, từ đó gắn kết các vùng nuôi tạo chuỗi sản xuất khép kín, bền vững.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng các vùng/khu/điểm chăn nuôi trọng điểm, bảo đảm để thu hút các doanh nghiệp lớn về đầu tư chăn nuôi theo chuỗi khép kín và có liên kết với người chăn nuôi thông qua hiệp hội, hợp tác xã, tổ, đội chăn nuôi để hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, hướng đến xuất khẩu.

4. Xây dựng các mô hình chăn nuôi theo quy trình chăn nuôi sinh học, an toàn VietGAHP, kinh tế tuần hoàn, quy trình chăn nuôi 4F an toàn sinh học; phát triển công nghiệp phụ trợ chế tạo, sản xuất thiết bị chuồng trại hiện đại.

Triển khai các mô hình chăn nuôi theo quy trình chăn nuôi sinh học, an toàn VietGAHP, an toàn dịch bệnh; kinh tế tuần hoàn, quy trình chăn nuôi 4F; khảo sát lồng ghép cơ chế, chính sách ưu tiên; xây dựng tiêu chuẩn hóa các mẫu chuồng nuôi lợn, gia cầm, bò phù hợp với mô hình chăn nuôi của địa phương và các quy trình, chuồng trại chăn nuôi theo hướng tự động hóa.

III. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin, tuyên truyền triển khai các chủ trương, chính sách phát triển chăn nuôi

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, triển khai có hiệu quả, thực chất các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn thực phẩm,... và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật; các chủ trương, chính sách phát triển chăn nuôi của tỉnh, hướng dẫn của ngành chuyên môn về chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường đến các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động với quyết tâm cao nhất của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận cao của nhân dân trong tổ chức thực hiện đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với bảo vệ môi trường và yếu tố thị trường, an toàn dịch bệnh, nâng cao khả năng cạnh tranh và giá trị gia tăng; hình thành các vùng, xã sản xuất chăn nuôi trọng điểm đạt hiệu quả, bền vững, bảo đảm sinh kế cho người chăn nuôi và an sinh xã hội.

2. Rà soát quy hoạch, quy vùng sản xuất hàng hóa

Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động rà soát và thực hiện việc quy hoạch các vùng sinh thái phù hợp phát triển sản xuất chăn nuôi phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, ưu tiên quy hoạch các vùng sản xuất chăn nuôi hàng hóa tập trung gắn với quy hoạch xây dựng cơ sở bảo quản, chế biến, liên kết chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, bảo vệ môi trường, an toàn dịch bệnh. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, ưu tiên quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung, vùng trồng cây thức ăn cho trâu, bò và các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

(Dự kiến quy hoạch các vùng, khu, điểm chăn nuôi tại phụ lục 2)

3. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất chăn nuôi

- Phát triển sản xuất chăn nuôi theo mô hình kinh tế hộ chăn nuôi chuyên nghiệp, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn VietGAP gắn với bảo vệ môi trường với quy mô phù hợp để bảo đảm sinh kế cho người dân, tiến tới lâu dài là giảm bớt số lượng chăn nuôi nông hộ. Kết nối hộ nông dân chăn nuôi trong những tổ hợp tác và hợp tác xã kiểu mới: Các tổ hợp tác, hợp tác xã sẽ tập hợp các hộ chăn nuôi để tổ chức sản xuất có định hướng, đồng nhất về đầu tư, giải pháp kỹ thuật, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển sản xuất theo mô hình trang trại: Tiếp tục phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng sản xuất quy mô lớn. Tạo điều kiện bố trí quỹ đất, đưa sản xuất chăn nuôi ra khỏi khu dân cư, *(thực hiện nghiêm quy định khu vực cấm chăn nuôi)*; hình thành các vùng sản xuất chăn nuôi hàng hóa, các vùng nguyên liệu phục vụ giết mổ và chế biến.

- Thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển chăn nuôi, nhất là các doanh nghiệp lớn làm đầu tàu dẫn dắt trong toàn chuỗi giá trị; các doanh nghiệp giết mổ, chế biến nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm chăn nuôi; các doanh nghiệp cung cấp đầu vào cho sản xuất chăn nuôi.

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi, đặc biệt trong phát triển chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa, áp dụng chăn nuôi công nghiệp, hiện đại, khép kín, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo đảm nhóm sản phẩm chăn nuôi chủ lực của tỉnh đáp ứng đủ điều kiện sản phẩm chủ lực quốc gia và hướng tới xuất khẩu, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hướng hữu cơ, ứng dụng khoa học công nghệ, chăn nuôi an toàn sinh học, chuyên môn hóa ngay từ nông hộ và hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong các khâu: giống, dinh dưỡng, chuồng trại, quản lý chất thải, chế biến và giết mổ... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong chế biến phụ phẩm và sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; khai thác hiệu quả sản phẩm nông nghiệp sẵn có của tỉnh.

4.1. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học, tiếp thu nhanh các tiến bộ mới để sản xuất và quản lý giống vật nuôi

- Nghiên cứu ứng dụng giống vật nuôi chủ lực có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, ưu tiên chọn lọc đàn hạt nhân để nâng cao chất lượng hệ thống giống vật nuôi.

- Hỗ trợ các cơ sở giống ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa thông qua phần mềm chuyên dụng quản lý dữ liệu giống vật nuôi; bảo đảm kết nối liên thông giữa các cơ sở, phục vụ chọn lọc, nhân giống, sản xuất giống cho các đối tượng vật nuôi chính và công tác quản lý nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch.

Tập trung phục tráng, bảo tồn, khai thác và đẩy mạnh phát triển sản xuất hiệu quả các giống bản địa có nguồn gen quý, vật nuôi đặc thù và lợi thế (*gà Đông Tảo, gà Tò*) phù hợp với xu hướng thị trường; cung cấp vật liệu di truyền phục vụ nhân giống, lai tạo phù hợp với nhu cầu sản xuất theo từng phân khúc thị trường. xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu gắn với du lịch trải nghiệm nông thôn, du lịch sinh thái, tâm linh và tham quan làng nông thôn mới gắn với sản phẩm nông nghiệp.

- Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ quan quản lý, cơ sở lưu giữ và nhân giống vật nuôi lợn cụ kỵ/ông bà và gia cầm cao sản có năng suất, chất lượng cao: Nâng cấp các cơ sở giống hiện có trên địa bàn tỉnh, bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, cơ sở vật chất đồng bộ; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thu thập, quản lý dữ liệu giống vật nuôi; kết hợp công nghệ chọn giống theo hệ gen để nâng cao tiến bộ di truyền, quản lý nguồn gen và chất lượng giống.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp giống vật nuôi theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và quản lý trang trại giống vật nuôi.

- Tăng cường quản lý chất lượng giống vật nuôi; áp dụng mã số, mã vạch để truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chất lượng giống.

4.2. Ứng dụng công nghệ trong việc sử dụng thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm chất lượng, hiệu quả cao và thân thiện môi trường

- Nghiên cứu, phát triển và sử dụng các loại thức ăn chăn nuôi, thức ăn bổ

sung và chế phẩm sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong chăn nuôi; tìm kiếm, ứng dụng các nguồn đạm thay thế trong sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Xây dựng và áp dụng khẩu phần ăn hợp lý cho từng loại vật nuôi; nghiên cứu chế biến phụ phẩm công nghiệp, nông nghiệp và thủy sản thành nguyên liệu thức ăn, tạo ra các loại thức ăn mới.

- Ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra sản phẩm thức ăn chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

4.3. Ứng dụng công nghệ chuồng trại, quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh hướng tới chăn nuôi bền vững

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chuồng trại và quy trình quản lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo đảm an toàn dịch bệnh và hướng tới chăn nuôi bền vững. Phát triển chăn nuôi theo hướng giống cao sản, quy mô trang trại, công nghiệp, phấn đấu đến năm 2030: chăn nuôi lợn đạt trên 50%, gà trên 45%, thủy cầm trên 25%.

- Ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ cao trong xây dựng tiêu khí hậu chuồng nuôi để tăng năng suất, hiệu quả, đồng thời bảo đảm chăn nuôi an toàn sinh học. Chăn nuôi trang trại quy mô vừa và quy mô lớn sử dụng chuồng trại và có ứng dụng trang thiết bị hiện đại đạt khoảng 70%.

- Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, sản xuất phân bón hữu cơ và chế phẩm sinh học phục vụ tái sử dụng, góp phần bảo vệ môi trường. Áp dụng biện pháp thu gom, xử lý, tận dụng chất thải hữu cơ... và xử lý chất thải chăn nuôi, xây dựng công trình khí sinh học các loại của hộ chăn nuôi ở mức cao nhất.

4.4. Ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng và các sản phẩm giết mổ đảm bảo đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và hướng tới xuất khẩu

- Ứng dụng công nghệ mới trong chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng từ động vật trên cạn (*thịt, trứng và phụ phẩm sau giết mổ*) nhằm đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến, bảo quản và vận chuyển sản phẩm chăn nuôi; cải tiến, nâng cao chất lượng các sản phẩm chăn nuôi truyền thống.

4.5. Ứng dụng đồng bộ các giải pháp về công nghệ số vào hoạt động chăn nuôi

Ứng dụng nhanh công nghệ số vào hoạt động chăn nuôi như: Số hóa quản lý trang trại; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data); phát triển hệ thống chuồng trại thông minh; tự động hóa các khâu chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm giảm lao động, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa chế độ nuôi, môi trường sống; hệ thống xử lý chất thải tự động giảm ô nhiễm; giám sát dịch bệnh; truy xuất nguồn gốc, nâng cao chất lượng sản phẩm và thúc đẩy thương mại điện tử. Phát triển hạ tầng và cơ sở dữ liệu chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, nâng cao việc kết nối người chăn nuôi với cơ quan chức năng, doanh nghiệp, thị trường.

a) Thực hiện số hóa quản lý trang trại

Áp dụng phần mềm quản lý trang trại để theo dõi dữ liệu về con giống, thức ăn, vắc xin, thuốc thú y, lịch sử chăm sóc và sức khỏe đàn, tính toán và dự báo năng suất, tự động ghi chép tổng hợp báo cáo và thống kê. Sử dụng cảm biến và Internet vạn vật (IoT) để cảm biến nhiệt độ, độ ẩm và chất lượng không khí trong chuồng trại để điều chỉnh tự động; cảm biến sức khỏe vật nuôi bằng giải pháp gắn chip hoặc vòng đeo để theo dõi tình trạng sức khỏe, nhịp tim, lượng ăn, phát hiện sớm dịch bệnh; cảm biến hệ thống cho ăn và nước uống tự động để điều chỉnh khẩu phần. Sử dụng công nghệ Blockchain ghi lại toàn bộ quá trình chăn nuôi, chế biến, tiêu thụ, đảm bảo minh bạch thông tin, giúp người tiêu dùng kiểm tra truy xuất nguồn gốc sản phẩm dễ dàng.

b) Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và Phân tích Dữ liệu lớn (Big Data)

Ứng dụng AI phân tích hành vi vật nuôi, phát hiện dấu hiệu bất thường, cảnh báo dịch bệnh và tối ưu hóa khẩu phần ăn; xác định nhu cầu dinh dưỡng của từng con vật; giám sát các yếu tố môi trường trong chuồng trại. Ứng dụng Robot chăn nuôi (*robot cho ăn, cho uống...*) để giảm nhân công, tăng hiệu quả chăn nuôi. Ứng dụng Big Data để lưu trữ, thu thập, phân tích thông tin dữ liệu lớn từ nhiều cá thể vật nuôi, từ nhiều trang trại để tối ưu hóa quản lý, quy trình sản xuất, giảm lãng phí.

c) Phát triển hệ thống chuồng trại thông minh

Ứng dụng công nghệ hệ thống chuồng trại thông minh: Tích hợp hệ thống tưới, làm mát, thông gió tự động. Sử dụng năng lượng tái tạo (*điện mặt trời, biogas,...*) để vận hành hệ thống. Ứng dụng hệ thống robot trong cho ăn và vệ sinh chuồng trại...

d) Ứng dụng công nghệ số trong thương mại điện tử, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

Ứng dụng giải pháp công nghệ số để xây dựng nền tảng số để kết nối nhà sản xuất với thị trường. Ứng dụng giải pháp mã vạch và QR code giúp người tiêu dùng tra cứu thông tin nguồn gốc và quy trình sản xuất và đẩy mạnh tiếp thị số qua các kênh thương mại điện tử.

5. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, quản lý hoạt động giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi

- Thực hiện hiệu quả các kế hoạch của Ủy ban nhân tỉnh về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên động vật nuôi giai đoạn và hàng năm.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các quy định của Luật Thú y; các quy định hướng dẫn phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; chủ động chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp nâng cao năng lực, chủ động kiểm soát phòng, chống dịch bệnh động vật, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm, bệnh có nguy cơ lây sang người, bệnh mới, gây ảnh hưởng lớn đến đàn vật nuôi, đặc biệt trên con nuôi chủ lực đảm bảo cho sản xuất chăn nuôi phát triển, hiệu quả bền vững.

- Nâng cao hiệu quả công tác phòng bệnh bằng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm, trong đó phát huy vai trò chủ động của người chăn nuôi; củng cố hệ thống giám sát, khai báo và thông tin dịch bệnh ở từng cấp, bảo đảm yêu cầu phát hiện

nhanh, xử lý triệt để các dịch bệnh nguy hiểm ở động vật; thực hiện hiệu quả kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ để hạn chế dịch bệnh phát sinh lây lan.

- Từng bước tổ chức lại hệ thống giết mổ, sơ chế và chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Tăng cường thực hiện kiểm tra, đánh giá phân loại định kỳ đối với các cơ sở giết mổ, sơ chế sản phẩm có nguồn gốc động vật. Khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư trong hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi.

6. Tổ chức thực hiện và ban hành cơ chế, chính sách

Tập trung thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ phát triển chăn nuôi, thú y đã và đang triển khai thực hiện; nghiên cứu, tiếp tục ban hành cơ chế mới, trọng tâm là Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 về quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi Vietgahp đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; Hỗ trợ cơ sở nuôi đàn giống cấp ông bà và đàn giống cấp bố mẹ để sản xuất nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm trên địa bàn tỉnh; chính sách khôi phục, phát triển sản xuất chăn nuôi; rà soát bổ sung cơ chế chính sách quy hoạch và quản lý giết mổ gia súc, gia cầm; phát triển trang trại quy mô lớn công nghệ hiện đại, trong đó bám sát định hướng chính sách phát triển chăn nuôi theo Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Xây dựng chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất chăn nuôi hàng hóa theo chuỗi giá trị, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi an toàn VietGAHP, GlobalGAP, chăn nuôi tuần hoàn.

7. Thực hiện giải pháp đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực dự tính, dự báo thị trường, hoạt động xúc tiến thương mại

- Chỉ đạo phát triển sản xuất chăn nuôi an toàn theo quy trình VietGAHP, GlobalGAP..., an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; sản xuất chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn, nhất là vùng sản xuất chăn nuôi trọng điểm, vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến.

- Nâng cao năng lực quản lý trong tổ chức sản xuất chăn nuôi an toàn theo chuỗi từ cung cấp dịch vụ đầu vào, giết mổ, bảo quản, chế biến nông sản đến tiếp cận thị trường.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước bố trí hàng năm giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Xã hội hóa các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, thú y; thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn sự nghiệp và vốn đầu tư của nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Nguồn vốn tín dụng từ các tổ chức tín dụng trên địa bàn cho vay phục vụ phát triển sản xuất chăn nuôi.

4. Huy động nguồn vốn tự đầu tư phát triển sản xuất của người chăn; khuyến khích, thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh tế tư nhân đầu tư hoặc tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng chăn nuôi như trang trại chăn nuôi quy mô hàng hóa; các nhà máy sản xuất TACN, giết mổ gia súc gia cầm, kho bảo quản sản phẩm chăn nuôi; gian hàng tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; tổ chức hoặc hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, cung ứng dịch vụ tư vấn... để huy động tối đa nguồn lực cho phát triển sản xuất chăn nuôi, giết mổ và chế biến sản phẩm từ chăn nuôi *(trong đó ưu tiên đầu tư chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao, chế biến từ phụ phẩm chăn nuôi)*...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

- Phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát điều chỉnh, bổ sung và tích hợp quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển sản xuất chăn nuôi và xây dựng các cơ sở giết mổ vào Quy hoạch chung của tỉnh, đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham gia, phối hợp thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu định kỳ phục vụ công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi, thú y.

- Phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên tuyên truyền các nội dung Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, hoặc sửa đổi bổ sung Kế hoạch nếu cần thiết.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu vốn, cân đối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức phổ biến áp dụng quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và chuyển đổi số trong lĩnh vực chăn nuôi theo thẩm quyền.

4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu đề xuất các chính sách thương mại, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm chăn nuôi.

- Hỗ trợ các hiệp hội, Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất kinh doanh, các cơ sở sản xuất chăn nuôi: xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm chăn nuôi.

5. Sở Y tế: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Luật An toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường nông thôn; thực hiện Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT ngày 27/5/2013 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người và một số quy định về kiểm soát dịch bệnh theo văn bản hiện hành.

6. Sở Văn hóa Thể Thao và Du lịch: Định hướng cho các cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành xây dựng chương trình, tour du lịch sinh thái trải nghiệm đồng quê, trải nghiệm di sản văn hoá phi vật thể¹ (gà Đông Tảo), trải nghiệm chăn nuôi vịt biển dưới tán rừng....

7. Đề nghị ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 12: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn ưu tiên, triển khai kịp thời các chính sách tín dụng liên quan đến hoạt động phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi,...theo chỉ đạo của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của tỉnh.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách tín dụng hỗ trợ ngành nông nghiệp.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh tăng cường tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, cộng đồng dân cư tham gia thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch; hỗ trợ nông dân, tổ hợp tác, Hợp tác xã trong việc liên kết sản xuất với các doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án phát triển chăn nuôi tổng thể phù hợp với điều kiện của địa phương cho giai đoạn 2026-2030, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch chăn nuôi đề ra.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện rà soát, điều chỉnh, bố trí quỹ đất để phát triển chăn nuôi theo vùng, khu, điểm sản xuất chăn nuôi, giết mổ nhằm tạo ra vùng sản

¹ Quyết định số 1743/QĐ-BVHTTDL ngày 10/6/2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia – Tri thức dân gian nuôi và chế biến gà Đông Tảo.

xuất hàng hóa tập trung có liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi theo thẩm quyền được phân công, phân cấp trên địa bàn quản lý theo Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

- Thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu định kỳ phục vụ công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Lựa chọn các đối tượng vật nuôi, chủ lực có năng suất, chất lượng, có giá trị kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường, phù hợp với lợi thế của địa phương và định hướng phát triển của ngành để phát triển chăn nuôi theo phân khu, phân vùng trọng điểm; chăn nuôi có liên kết theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nhãn hiệu tập thể, chăn nuôi theo hướng hàng hoá, chuyên môn hoá, hiện đại, bền vững; chủ động đề xuất cơ chế chính sách để thực hiện kế hoạch.

10. Các đơn vị, doanh nghiệp lĩnh vực chăn nuôi và thú y

Các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi tích cực, chủ động đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật, chăn nuôi theo hướng công nghiệp, khép kín đảm bảo an toàn dịch bệnh và xử lý tốt môi trường; đưa vào sản xuất các giống vật nuôi năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường và định hướng phát triển chăn nuôi của tỉnh; căn cứ nhu cầu về con giống hàng năm theo cơ cấu vật nuôi của tỉnh, tổ chức sản xuất để cung ứng, phục vụ sản xuất đáp ứng nhu cầu người chăn nuôi trong tỉnh. Tích cực tham gia liên doanh, liên kết đầu tư mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; đầu tư xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chăn nuôi chất lượng cao.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Đài PT&TH Hưng Yên;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Chi Cục PTNT tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^(T. Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
04/05/2026 15:53:02

Lại Văn Hoàn